QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA LOẠI HÌNH TÁC GIẢ NHÀ NHO ẨN DẬT VIỆT NAM

LÊ VĂN TẤN [*]

Tóm tắt: *Sự xuất hiện của các tác giả nhà nho ẩn dật làm phong phú cho các kiểu loại tác giả, đồng thời góp phần đáng kể vào việc thúc đẩy sự phát triển của văn học Trung đại. Bài viết phân chia quá trình phát triển của loại hình tác giả nhà nho ẩn dật thành bốn giai đoạn. Ở mỗi giai đoạn có chỉ ra những đặc trưng trong cơ sở hình thành, tác giả tiêu biểu và một số nội dung chính trong sáng tác văn chương của họ.*

Từ khóa: *Loại hình tác giả, tác giả nhà nho ẩn dật, văn học trung đại Việt Nam.*

Ngày nhận bài: 27/5/2013; Ngày duyệt đăng bài: 15/8/2013

Có thể hiểu, tác giả nhà nho ẩn dật bao gồm: hoặc là những tác giả nhà nho đi ở ẩn suốt đời; hoặc là những tác giả nhà nho có một quãng thời gian trong cuộc đời của họ đi ở ẩn và quãng thời gian đó có ý nghĩa đối với cuộc đời và sáng tác văn chương của họ. Đây là loại hình tác giả hình thành và phát triển gần như song song với loại hình tác giả nhà nho hành đạo trong lịch sử văn chương Nho giáo Việt Nam thời Trung đại, từ cuối thế kỉ XIII đến hết thế kỉ XIX. Với khoảng sáu thế kỉ ấy, loại hình tác giả nhà nho ẩn dật đã có một quá trình vận động, phát triển không ngừng và đạt được một số thành tựu văn chương đáng kể. Bài viết khảo sát và phân chia quá trình hình thành và phát triển của loại hình tác giả này thành bốn giai đoạn. ở mỗi giai đoạn, chúng tôi đều chỉ ra những đặc trưng trong cơ sở hình thành tác giả tiêu biểu và một số nội dung chính trong sáng tác của họ.

1. Giai đoạn hình thành loại hình tác giả nhà nho ẩn dật

Giai đoạn này diễn ra từ khoảng cuối thế kỷ XIII đến hết thế kỷ XIV. Đây là thời kỳ mà xã hội phong kiến Việt Nam đã trải qua một thời kì dài trong xây dựng và phát triển. Nhà Lý, đặc biệt là nhà Trần đã góp phần to lớn đưa xã hội phong kiến đạt tới một trình độ phát triển rực rỡ. Chính trị xã hội ổn định, xuất hiện nhiều minh quân, tướng lĩnh, quan lại tài trí, thao lược, khoan hòa và nhân ái. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân theo đó mà được nâng cao. Đây cũng là thời kì phục hưng văn hóa nghệ thuật, các cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại thắng lợi đã tạo ra một luồng sinh khí tươi mới cho cả xã hội, đất nước. Điều tạo nên cảm hứng chủ đạo trong văn học là ngợi ca dân tộc, triều đại, đất nước, ngợi ca những anh hùng xả thân vì nghĩa lớn. Văn học vươn tới khẳng định dân tộc, triều đại, khẳng định sức mạnh cộng đồng, dân tộc nói chung.

(*) TS, Học viện Khoa học xã hội.

Tuy nhiên, bên cạnh cái chung đó không thể không nói tới cái riêng ở những góc cạnh, ngả rẽ, dị biệt, những thân phận và cảnh ngộ cá nhân. Cùng với những nhân cách thành đạt trong hoạn lộ là vô số những nhân cách khác chưa hoặc không có dịp khẳng định tài năng, tâm huyết. Thời văn Trần, triều đại phong kiến bắt đầu sa sút, tầng lớp vua quan dần dần bộc lộ những mặt tiêu cực. Điều đó khiến cho những nhân cách ưu tú đương thời tỏ ra bất bình, thất vọng, chán nản. Theo chúng tôi, đây là nguyên nhân chính dẫn đến việc một số nhà nho lui về sống ẩn dật. Cuối thế kỉ XIV, trong văn học hình thành một xu hướng tư tưởng (dù chưa phải là chủ đạo) thất vọng, buồn chán và văn học phần nào bắt đầu hướng tới hiện thực xã hội, đời sống của nhân dân, mở ra khuynh hướng nhân đạo chủ nghĩa - dường như đây là một sự lạc điệu so với không khí chung của thời đại bấy giờ.

Phật giáo du nhập vào Việt Nam khá sớm. Tư tưởng từ bi hỉ xả, bác ái, bình đẳng chúng sinh, ái nhân, ái quần của Phật giáo đã hợp lưu với tư tưởng yêu thương con người trong truyền thống văn hóa Việt. Được chấp nhận một cách hòa bình trong xã hội và trong đời sống tâm linh người Việt, tầng lớp thiền sư, tăng lữ giữ những vị trí chủ chốt trong bộ máy quan lại triều đình phong kiến. Nhưng nhiều thiền sư ở giai đoạn này, bên cạnh tư tưởng Phật giáo họ cũng được hấp thụ học vấn Nho học, chịu ảnh hưởng sâu sắc tư tưởng Nho giáo - trong đó lí tưởng, hoài bão lập công danh sự nghiệp, lí tưởng "trí quân trạch dân", vì dân, vì nước đã có một ảnh hưởng lớn tới họ. Đó là lí do khiến một số nhân cách ưu tú của thời đại sẽ không thể hợp tác với một triều đại, một ông vua không mang lại hạnh phúc cho nhân dân.

Hai tác giả tiêu biểu cho giai đoạn hình thành là Chu Văn An và Trần Nguyên Đán. Họ đều là những nhân cách ưu tú, vì dân, vì nước, với hoạn lộ có thể gọi là hanh thông. Họ lui về ở ẩn khi đã thực hiện được ít nhiều những dự định trong cuộc đời. Vì thế, mặc dù là bất đắc chí nhưng thơ ca của Chu Văn An và Trần Nguyên Đán không thể hiện những day dứt, những đau khổ tột cùng của những chí nguyện không thành như trong sáng tác của những nhà nho ẩn dật ở các giai đoạn sau. Khi lựa chọn cuộc sống ẩn, họ đã tìm tới một môi trường sống biệt lập, tách biệt về không gian, khoảng cách địa lí so với cuộc sống chốn cung đình, với cuộc sống nhân dân, với xã hội. Phương hướng lựa chọn không gian môi trường sống, ẩn dật có tính chất thể nghiệm này sẽ được tiếp tục ở Nguyễn Trãi, hoàn thiện ở Nguyễn Dữ và Nguyễn Hãng.

Sáng tác văn học của nhà nho ẩn dật giai đoạn thứ nhất bộc lộ những tâm tư tình cảm nhàn tản, thoát tục, hướng tới cuộc sống lâm tuyền sông suối, chưa ở mức ngợi ca trực tiếp hả hê cuộc sống ẩn dật, song qua thơ ca của họ, ít nhiều ta cũng nhận thấy sự thanh thản, yên tâm với cuộc sống ẩn dật. Hiện lên ở đây là hình ảnh của thiên nhiên thanh sạch, vắng bụi trần, mang màu sắc huyền vi của Phật giáo Thiền tông, cái phóng nhiệm, vô vi của Lão - Trang; thời gian nghệ thuật mênh mông, xa vắng, như của một cõi nào đó rất sâu, rất xa, thiêng liêng, ngưng đọng, bất biến. Cái tôi nhà nho ẩn dật lấy thiên nhiên làm bối cảnh hoạt động. Nó chưa tỏ rõ sự ngạo nghễ, kiêu bạc, cực đoan như cái tôi nhà nho ẩn dật ở các thế kỉ sau mà kín đáo, trầm lắng, giản dị:

Nhàn thân nam nắc phiến vân khinh,
Bán chẩm thanh phong thế ngoại hình...
Thôn Nam sơn tiểu khệ - Chu Văn An
(Thân nhàn tựa áng mây trôi,
Gió trăng nửa gối, việc đời nhẹ thênh...
Tạm nghỉ ở núi thôn Nam - Đào Thái Tôn dịch)[1]

Hướng thơ ca nói đến cái tiêu dao, thanh thản trước cuộc sống lâm tuyền, sơn khê, thiên nhiên ở đây sau này sẽ được Nguyễn Húc, Nguyễn Dữ, Nguyễn Hãng, Nguyễn Huy Vinh tiếp tục phát triển.

Nhưng bên cạnh những giây phút thanh thản mà cuộc sống ẩn dật mang lại, họ vẫn đau đáu hướng lòng mình về cõi tục, nhân quần. Thơ ca họ hướng tới trần thế, tới nhân dân, đất nước. Những đêm trăng sáng, những sáng sao sa, mưa dầm trên tàu lá,... một mình đối diện với vũ trụ, đất trời, thiên nhiên hay là với chính cá nhân thể tạng và căn cốt mình, họ chợt trào lên nỗi lòng với nhân quần vẫn đầy ắp trong tâm khảm. Và bắt đầu xuất hiện trong sáng tác của họ là một thứ thiên nhiên gần gụi, giản dị, đời thường, gắn với không gian, thời gian, cảnh vật của thực tại môi trường sống ẩn dật và phảng phất không khí cuộc sống của người lao động. Đây là hướng nội dung thơ ca người ẩn dật mà sau này Nguyễn Bỉnh Khiêm, Ngô Thế Lân, Nguyễn Thiếp và đặc biệt là Nguyễn Khuyến đã kế thừa và đẩy xa hơn một bước.

Có thể đánh giá nhà nho ẩn dật và văn chương nhà nho ẩn dật thế kỉ XIII - XIV là sự chuẩn bị, thể nghiệm khá đầy đủ hướng nội dung sáng tác văn chương của loại hình tác giả này trong các giai đoạn sau. Chúng tôi coi đây là một giai đoạn hết sức quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển của loại hình tác giả nhà nho ẩn dật Việt Nam Trung đại là trên ý nghĩa như vậy.

2. Giai đoạn phát triển của loại hình tác giả nhà nho ẩn dật

Giai đoạn phát triển của loại hình tác giả nhà nho ẩn dật diễn ra trọn vẹn trong thế kỷ XV. Đây là một thế kỉ đầy bão táp. Nhiều nhân cách đạt được những vinh quang, hiển hách lớn lao trong hoạn lộ, đồng thời lại là những người chịu những oan ức thấu trời. Nguyễn Trãi là một trường hợp tiêu biểu nhất cho ý này. Đây chính là lí do khiến cho một người như Nguyễn Trãi hăm hở hành đạo. Vì lẽ đó, Nguyễn Trãi - một người đã từng được phong quốc tính cũng đã bất bình, nhiều lúc tỏ ra chán nản, thất vọng về triều chính, xã tắc. Sự lựa chọn lối sống ẩn dật ở Nguyễn Trãi đã cho thấy bất đắc chí là căn nguyên lớn nhất đẩy các nhà nho Trung đại lựa chọn lối sống ẩn dật.

Một thế kỉ đầy bão táp sẽ đặt ra những đòi hỏi rất cao đối với người hành đạo. Đó là lí do giải thích tại sao một thế kỉ đầy cơ hội và thách thức với nhà nho như vậy mà vẫn có một vài người sớm chọn cho mình con đường ở ẩn từ ban đầu. Tiêu biểu là Nguyễn Húc. Chúng tôi đánh giá cao sự lựa chọn cuộc đời, lựa chọn con đường ẩn dật ở ông. Nguyễn Húc - tự thẳm sâu tâm khảm hẳn vẫn là một khát vọng quan trường, khát vọng mang tài năng, sức lực phục vụ triều đình phong kiến, phục vụ nhân dân, đất nước song ông đã dứt khoát, mạnh dạn lui về lâm tuyền, sơn khê. Đó là một lựa chọn, với cái nhìn khá thấu đáo về thế cuộc và bản thân.

[1] Nguyễn Đăng Na chủ biên, *Tinh tuyển văn học Việt Nam*, tập 3 - Văn học thế kỉ - XIV, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2004, tr.662.

Nho giáo trong các thế kỉ trước, từ địa vị thứ yếu, ẩn chìm trong khoa cử và kiến tạo nhân cách kẻ sĩ của thiền sư đến thế kỉ XV đã vươn lên địa vị độc tôn. Lý tưởng Nho gia là hành đạo nhưng vẫn cho phép người quân tử quyền biến, hành tàng, xuất xử linh hoạt. Nho giáo không mâu thuẫn với các tôn giáo khác khi nó đã chiếm địa vị độc tôn. Thuận thời thì theo Nho, thất thế theo Lão - Trang, đau khổ tuyệt vọng thì tìm tới Phật. Lão - Trang được lấy làm điểm tựa tư tưởng cho nhà nho, tinh thần phóng nhiệm của nó giúp họ giải phóng những ẩn ức, những khát vọng lớn lao về nhân dân đất nước không hoàn thành.

Hai nhà nho ẩn dật tiêu biểu nhất cho thế kỉ này là Nguyễn Trãi và Nguyễn Húc. Họ thuộc vào hai hướng lựa chọn tưởng như đối lập, mâu thuẫn nhau trong hành trạng, tư tưởng song lại gặp nhau trên nhiều phương diện. Nếu Nguyễn Trãi là một trong những nhà nho tiêu biểu nhất cho *kiểu nhà nho ẩn dật do bất đắc chí* thì Nguyễn Húc lại tiêu biểu cho *kiểu nhà nho coi ẩn dật như một lẽ sống, một cách thế sống*. Cả Nguyễn Trãi và Nguyễn Húc đều là sự tiếp nối các nội dung thơ ca của Chu Văn An và Trần Nguyên Đán.

Nguyễn Trãi đã lựa chọn không gian núi rừng Côn Sơn còn Nguyễn Húc lựa chọn chính quê hương của mình làm nơi ẩn dật. Một là đại diện cho *hướng lên núi*; một là đại diện có tính chất mở đầu, tiên phong cho hướng thể nghiệm *về làng* của người ẩn dật. Hướng của Nguyễn Trãi sẽ được tiếp tục ở thế kỉ XVI, nối dài tới Nguyễn Huy Vinh cuối thế kỉ XVIII, đầu thế kỉ XIX là kết thúc; hướng của Nguyễn Húc sẽ được kế thừa và phát triển ở tất cả các thế kỉ sau, từ Nguyễn Bỉnh Khiêm, Ngô Thế Lân, Nguyễn Thiếp đến Nguyễn Khuyến.

Điểm chung nhất giữa Nguyễn Trãi và Nguyễn Húc là: họ đều ca ngợi cuộc sống lâm tuyền, sơn khê, ca ngợi môi trường sống ẩn dật, ca ngợi thú nhàn tản, ca ngợi thiên nhiên vũ trụ, bộc lộ, thể hiện và kí thác cái tôi - ẩn sĩ cứng cỏi, trong sạch, chẳng bợn chút bụi trần. Trong thơ ca của họ người đọc thấy xuất hiện hình tượng của núi đồi, vượn hạc, cuộc sống dân dã thôn quê đầy thanh bình. Đó vừa là một không gian nghệ thuật thanh sạch, nhàn tản, thoát tục, vừa là một không gian mang hơi thở của cuộc sống xã hội, giản dị, đời thường... Con người nhà nho hòa nhập, tan biến vào không gian và cuộc sống nơi họ về chí sĩ. Với Nguyễn Trãi, những năm tháng ở Côn Sơn đã mang lại cho ông sự thanh thản và bình tâm sau những thăng trầm hoạn lộ. Những sáng tác hay nhất, nhiều nhất, có giá trị nhất của ông chính là những sáng tác ông làm trong thời gian ở nơi đây. Ông đã sống thực sự với tư cách một ẩn sĩ. Tuy nhiên, ẩn dật, với Nguyễn Trãi, chúng tôi nghĩ như là một sự chờ thời để chuẩn bị cho hành đạo. Lẽ đó mà ẩn dật được đặt ra với Nguyễn Trãi rất day dứt, trăn trở, ồn ào, cách thể hiện rất bão táp. Ở Côn Sơn, bên cạnh hình tượng một con người vui cùng với mây núi là hình tượng một cái tôi luôn luôn dùng dằng về lẽ xuất xử, cùng vui, cùng đau với nhân dân, quê hương, đất nước. Cảm xúc này làm nên một nét rất đặc trưng, riêng biệt của thơ ca ẩn dật Nguyễn Trãi (nội dung này về sau Nguyễn Khuyến đã kế thừa một cách xuất sắc).

Nguyễn Húc - với tư cách là một nho sĩ về làng, nho sĩ ẩn dật của làng quê, phần lớn thời gian của cuộc đời mình, ông dành cho nơi đây. Thơ Nguyễn Húc tuy chỉ còn

lại không nhiều (6 bài) song ta vẫn có thể nhận thấy ở đó một tiếng thơ khá đa dạng, phong phú, phản ánh trên nhiều phương diện, nhiều đề tài cuộc sống, hiện thực. Trong tương quan so sánh với Nguyễn Trãi, Nguyễn Húc có nhiều nét khác biệt: thơ Nguyễn Húc không dành nhiều cho việc hướng tới vũ trụ, đất trời hay một thứ thiên nhiên thanh sạch, siêu thoát, vĩnh hằng, bất biến mà ông lại hướng ngòi bút của mình vào thế sự - *mở ra thành công hướng văn học người ẩn dật phản ánh cuộc sống xã hội và hiện thực*. Với Nguyễn Húc - ẩn dật là lựa chọn tối ưu, ông yên tâm và thanh thản với lựa chọn cuộc sống đó nên ở ông hầu như không bộc lộ những day dứt về lẽ xuất xử, hành tàng. Nguyễn Húc quan tâm tới cuộc sống của người lao động, người dân quê với những lo lắng buồn vui thường nhật. Thơ ông nặng tâm tư về nhân tình thế thái và mang một cảm xúc rất khác so với Nguyễn Trãi. Cái tôi Nguyễn Húc trong thơ không tách biệt một cách cực đoan, không cao ngạo, đứng trên cuộc sống xã hội, cuộc sống nhân dân mà dường như đã trở thành một thành viên của cuộc sống đó, hòa nhập vào cuộc sống đó. Đây là một đóng góp lớn của Nguyễn Húc trong hệ thống sáng tác của tác giả ẩn dật thời trung đại nói riêng, văn học trung đại nói chung.

3. Giai đoạn hoàn thiện loại hình tác giả nhà nho ẩn dật

Giai đoạn này diễn ra trong thế kỷ XVI. Nếu như ở thế kỉ liền trước, xã hội phong kiến phát triển tới đỉnh cao và mới bắt đầu có dấu hiệu đi xuống thì đến thế kỉ này, chế độ phong kiến thực sự đi vào tình trạng khủng hoảng. Các tập đoàn phong kiến, phe phái chính trị tranh giành, thoán đoạt quyền lực lẫn nhau, tạo ra một bầu không khí chính trị u ám. Nội dung này tất nhiên chưa phải là toàn bộ âm hưởng của thế kỉ XVI, song người hành xử được như Nguyễn Bỉnh Khiêm không phải là nhiều. Tầng lớp nho sĩ tiến bộ trong xã hội tỏ rõ sự bất mãn trước triều chính, xã tắc. Sự gắn bó sâu nặng của họ với nhà Lê thật khó ngay một lúc có thể phôi pha, nhất lại là lúc hiện thực trước mắt bất như ý. Đó là lí do cơ bản khiến nhiều nho sĩ đương thời đã bất hợp tác với một ông vua cụ thể hay một triều đại cụ thể để trở về ẩn dật. Xã hội li tán, đời sống nhân dân đói khổ đã khiến cho nhiều sĩ phu nặng lòng với đất nước chán nản thất vọng và một số người trong họ thì hình như vẫn còn đang băn khoăn đi tìm minh chủ. Nho giáo với lí tưởng "trí quân trạch dân, tiên ưu hậu lạc" đã ngấm trong máu nhà nho, tới đây đã không mở ra hi vọng cho họ hành đạo. Vì lẽ đó mà nhiều *nho sĩ ẩn dật thế kỉ XVI đã nhanh chóng chuyển từ sự bất đắc chí trên kia trở thành một thái độ sống trung dung, tự tại trước cuộc đời*. Sự dùng dằng, day dứt về hoạn lộ với họ không bộc lộ rõ. Họ coi ẩn dật như là một lẽ sống, một cách thế sống của mình, nhiều người sớm trở về làng quê, núi đồi để li tâm khỏi cuộc sống xã hội và lập trước tác, di dưỡng tư tưởng, tâm hồn...

Lão - Trang tiếp tục trở thành điểm tựa tư tưởng, chi phối từ việc lựa chọn cuộc đời đến lối sống, lẽ sống, văn chương nghệ thuật của nhà nho, giúp cho họ phương cách sống hữu dụng, giải phóng tinh thần và những tâm tư, tình cảm day dứt...[(2)]

[(2)] Xem: - Nguyễn Kim Sơn, *Thần hóa, diệu ngộ - quan niệm của Đạo gia về quá trình sáng tạo nghệ thuật*, Tạp chí Văn học, số 10/2003, tr.70 - 74.
- Lê Văn Tấn, *Truyền kì mạn lục và sự thể hiện tư tưởng ẩn dật của Nguyễn Dữ,* Tạp chí Khoa học - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số 2/2006, tr.27 - 35.

Tiên đoán và dự cảm được sự phát triển của xã hội, triều chính, nhà nho đã không tham gia hoạn lộ, quan trường ngay từ buổi ban đầu. Một số người đã không có điều kiện thể nghiệm nhằm đạt được những đỉnh cao về khoa cử (trừ trường hợp của Nguyễn Bỉnh Khiêm), nhà nho, theo đó cũng sẽ thanh thản hơn với sự trở về của mình. Đó là trường hợp của Nguyễn Dữ và Nguyễn Hãng.

Ba tác giả tiêu biểu nhất của giai đoạn này là Nguyễn Bỉnh Khiêm, Nguyễn Dữ và Nguyễn Hãng. Họ cũng đồng thời là ba tác giả tiêu biểu, có những thành tựu lớn nhất của toàn bộ thế kỉ văn học này. Nguyễn Bỉnh Khiêm vẫn tiếp tục nối dài hướng thể nghiệm của Nguyễn Húc: về làng; còn Nguyễn Dữ và Nguyễn Hãng tiếp tục đẩy xa hơn cho xu hướng lên núi, đi xa làng quê của mình để ẩn dật.

Điểm chung nhất của ba nho sĩ thời kì này là sự hoàn thiện về mọi mặt của loại hình tác giả và tác phẩm nhà nho ẩn dật Việt Nam thời Trung đại. Họ là những con người trọng danh dự và khí tiết, trọng đạo nghĩa và lẽ phải ở đời. Ở phương diện văn học, họ là những tác giả đẩy sự phát triển của văn học nhà nho ẩn dật lên một tầm cao mới. Nguyễn Bỉnh Khiêm đã được ví như là cây đại thụ tỏa rợp thế kỉ XVI. Nguyễn Dữ và Nguyễn Hãng có những đóng góp không thể thay thế cho sự phát triển của văn học trung đại. Nguyễn Bỉnh Khiêm, ngoài tư cách là một hiền nhân còn có tư cách một trí giả của thời đại, vị sư biểu của giáo dục khoa cử. Họ đã có những đóng góp lớn cho sự phát triển của tư tưởng Việt Nam thời Trung đại. Một nhân cách như Nguyễn Bỉnh Khiêm, đứng trên đỉnh cao của tài năng và danh vọng, đã thu phục được nhân tâm của các thế lực phong kiến. Sống ẩn dật ở am Bạch Vân mà ông vẫn khiến cho các tập đoàn phong kiến nể trọng, cung phụng, theo đó ông đã gián tiếp can thiệp vào sự phát triển của các tập đoàn phong kiến. Theo chúng tôi, đây chính là một hướng rất linh hoạt trong lí tưởng và hiện thực nhập cuộc của nhà nho. Còn Nguyễn Dữ và Nguyễn Hãng lại có những khác biệt. Nguyễn Dữ làm quan trên dưới một năm rồi cáo quan với lí do chăm sóc mẹ già giữ trọn đạo hiếu và từ đó "*mấy năm dư chân không đặt đến thị thành*"; Nguyễn Hãng thì về cơ bản ông không tham gia hoạn lộ với bất kì một tập đoàn phong kiến nào. Vì lẽ đó nên họ có lí do về chí sĩ từ rất sớm và vui thú với cuộc sống ấy đến cuối đời. Họ hướng tâm hồn mình tới cuộc sống xã hội, tới hiện thực nhân dân, đất nước một cách gián tiếp qua những hình tượng nghệ thuật. Thế kỉ XVI là thế kỉ dành cho những nhà nho ẩn dật theo hướng: họ là môn đồ thực thụ của Lão - Trang khi tìm thấy sự *yên tĩnh* và *yên tâm* tối đa trong tư tưởng nơi họ về ẩn dật. Họ ít quan tâm tới cuộc sống xã hội, nhân dân và hầu như là không có khát vọng trở lại quan trường, họ chủ yếu tập trung thể hiện một cái tôi sống hòa nhập với môi trường thiên nhiên nơi ẩn dật, họ trực tiếp ca ngợi trong sự sảng khoái, hả hê cuộc sống chốn lâm tuyền (nội dung này ở Nguyễn Dữ và Nguyễn Hãng mạnh mẽ và trực diện hơn ở Nguyễn Bỉnh Khiêm). Đây là những con người với thiên hướng tàng, ẩn, kín đáo, khép mình, gián tiếp, hoặc hầu như là rất ít bộc lộ nuối tiếc về một con đường lựa chọn. Họ đã lựa chọn một con đường và con đường đó mở ra mênh mông vô tận, họ sáng tác thơ ca để thể hiện sự gắn bó sâu sắc với môi trường sống, ẩn dật. Thể hiện một *cái*

tôi - nội cảm sâu sắc, sáng tác văn học ẩn dật thế kỉ XVI có một chiều sâu tư tưởng lớn. Cái tôi người ẩn dật trong môi trường đó là một cái tôi ngạo nghễ, kiêu bạc, đứng cao hơn thói tục, tách biệt hẳn với những nhiễu nhương[3]. Có thể nói đây là thế kỉ mà văn học nhà nho ẩn dật khẳng định cái tôi - cá nhân rất mạnh mẽ (theo chúng tôi, đây là một sự chuẩn bị rất cơ bản cho nội dung khẳng định cái tôi cá nhân trong văn học nhà nho tài tử sau này):

Một mai, một cuốc, một cần câu,
Thơ thẩn dầu ai vui thú nào...
Thu ăn măng trúc, đông ăn giá,
Xuân tắm hồ sen hạ tắm ao...
Nguyễn Bỉnh Khiêm[4]

Nguyễn Dữ và Nguyễn Hãng đã lựa chọn hai thể loại khá phù hợp với người ẩn dật: *truyền kì* và *phú*. Họ đồng thời cũng là hai tác giả thành công vào bậc nhất của thể loại này trong văn học Trung đại Việt Nam. Đây là những thể loại phóng túng, tự do, linh hoạt trong hình thức phản ánh và biểu hiện đã giúp cho họ thể hiện tư tưởng ẩn dật, lối sống ẩn dật một cách thành công. Thể hiện cái tôi ẩn sĩ của Nguyễn Dữ và Nguyễn Hãng có những phong thái và dáng dấp rất khác so với các nho sĩ cùng loại hình khác. Dường như với họ, niềm tự hào với cuộc sống sơn khê đã ở một mức độ rất cao, họ đã vươn lên trên cả quan niệm hành tàng vốn có tính chất thụ động của Nho giáo.

4. Giai đoạn kết thúc của loại hình tác giả nhà nho ẩn dật

Đặt trong tính liên tục của sự phát triển lịch sử văn học thời trung đại, thế kỉ XVII là một thế kỉ chững lại của văn học nói chung và văn học nhà nho ẩn dật nói riêng. Thế kỉ XVII, vì lẽ đó mà không được chúng tôi đề cập tới trong các giai đoạn phát triển của loại hình tác giả nhà nho ẩn dật. Có hai tác giả tiêu biểu của văn học thế kỉ XVII đáng lưu tâm, đó là Đào Duy Từ và Phùng Khắc Khoan. Sáng tác văn học của họ ít nhiều mang *xu hướng ẩn dật* (giai đoạn đầu tiên trong hành trạng cuộc đời), nhưng bản thân họ không phải là tác giả nhà nho ẩn dật đích thực trong cách quy loại hình tác giả của chúng tôi. Họ được đánh giá là những tác giả đánh dấu sự đổi thay trên nhiều mặt của văn học Việt Nam từ thế kỉ XVI, chuyển qua thế kỉ XVII để tiếp nối sang các thế kỉ XVIII và XIX. *Nhưng ở nội dung văn chương nhà nho ẩn dật, Đào Duy Từ và Phùng Khắc Khoan không có vai trò cho sự trung chuyển này*.

Tiếp sau thế kỉ XVII, ở các thế kỉ XVIII và XIX, tình hình xã hội Việt Nam diễn ra hết sức phức tạp. Chiến tranh loạn lạc, li tán đã khiến cho đời sống của nhân dân rơi vào những thảm cảnh bi đát. Đây có thể nói là hai thế kỉ có nhiều biến động dữ dội nhất trong lịch sử xã hội Việt Nam thời trung đại. Các cuộc chiến tranh nông dân nổ ra liên tiếp, đặc biệt là cuộc khởi nghĩa do Nguyễn Huệ lãnh đạo đã tạo ra một hào khí mới cho thời đại. Hình tượng người anh hùng thời loạn trở thành một hình tượng trung tâm, có sức lôi cuốn mạnh mẽ đối với các nhà nho thời bấy giờ. Thế kỉ XVIII và XIX, trên phương diện văn học là giai đoạn hình thành và chiếm chỗ một cách mạnh mẽ, áp đảo của loại

---

[3] Xem: - Lê Văn Tấn, *Truyền kì mạn lục và sự thể hiện tư tưởng ẩn dật của Nguyễn Dữ*, đã dẫn.
- Lê Văn Tấn, *Thể nghiệm lối sống ẩn dật của Nguyễn Dữ qua truyện Từ Thức lấy vợ tiên*, Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số 2/2007, tr. 29-33.

[4] Đinh Gia Khánh, Hồ Như Sơn và Bùi Duy Tân soạn, *Thơ văn Nguyễn Bỉnh Khiêm*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1983.

hình tác giả nhà nho tài tử chứ không phải là nhà nho ẩn dật như ở thế kỉ XVI[5]. Sự phát triển của ngâm khúc, truyện thơ Nôm, hát nói (ca trù) đã minh chứng cho điều đó. Văn học giai đoạn này đi vào những nội dung của hiện thực, tố cáo, phản ánh nỗi thống khổ; đồng thời ngợi ca, bênh vực, khẳng định con người. Đây là thời đại khẳng định mạnh mẽ con người cá nhân, hướng quan tâm tới đời sống riêng tư, nội tâm với những nhu cầu và khát vọng bản thể, tự nhiên.

Mặc dầu vậy, bên cạnh sự chiếm chỗ của tác giả và văn chương người tài tử trên văn đàn thì loại hình tác giả nhà nho ẩn dật vẫn tiếp tục phát triển nhưng đi vào chung cục với nhiều lóe sáng. Văn chương ảnh hưởng tư tưởng Lão - Trang ở giai đoạn này pha trộn nhiều luồng tư tưởng khác do thực tế xã hội, lịch sử mang lại. Sự lựa chọn con đường làm ẩn sĩ ở các nhà nho khá đa dạng và phức tạp.

Nửa sau thế kỉ XIX chứng kiến sự xâm lược của thực dân Pháp đối với Việt Nam. Đây là một biến cố lịch sử to lớn buộc mỗi nhà nho phải tìm cho mình một sự lựa chọn phù hợp. Với mỗi nhà nho ẩn dật, có thể không ra giúp triều đình chống ngoại bang nhưng trong lòng họ luôn mang theo tâm trạng day dứt, hổ thẹn triền miên, đầy khắc khoải, khổ đau...

Đời sống tinh thần, tư tưởng, văn hóa Việt Nam ở hai thế kỉ XVIII, XIX có những biến động lớn cùng với sự biến động của xã hội. Nho giáo chuyển sang một giai đoạn phát triển mới và có nhiều thành tựu rực rỡ. Nó có một sự biến chuyển mạnh mẽ từ việc quan tâm tới luân lí đạo đức sang hứng thú với thực tiễn xã hội, thực tiễn đất nước. Đây cũng là lí do khiến thế kỉ XVIII và XIX, thơ ca của nhà nho ẩn dật hầu hết là hướng mạnh mẽ tới hiện thực xã hội, nhân quần.

Tài năng và tâm huyết với cuộc đời của nhà nho trong hai thế kỉ này rõ ràng là khó có thể hướng tới con đường khoa cử, hoạn lộ. Đây là nguyên nhân mà trong số năm nhà nho ẩn dật tiêu biểu của hai thế kỉ kết thúc này thì có tới ba người là bất đắc chí (Ngô Thế Lân, Lê Hữu Trác và Nguyễn Khuyến). Như vậy, mở ra một loại hình tác giả văn học - nhà nho ẩn dật là người bất đắc chí, kết thúc của loại hình đó cũng là người bất đắc chí. Nguyễn Thiếp tiếp tục hướng lựa chọn cuộc đời như của Chu Văn An và Nguyễn Bỉnh Khiêm, Nguyễn Huy Vinh tiếp tục và khép lại hướng lựa chọn cuộc đời của Nguyễn Dữ, Nguyễn Hãng.

Năm tác giả tiêu biểu là: Ngô Thế Lân, Nguyễn Thiếp, Lê Hữu Trác, Nguyễn Huy Vinh và Nguyễn Khuyến. Trong số này chỉ có Nguyễn Huy Vinh tiếp tục lên núi ẩn dật, bốn tác giả còn lại đều chọn làng quê, quê cũ, làng cũ hoặc một nơi rất gần cuộc sống nhân dân, xã hội (Lê Hữu Trác) làm nơi ẩn dật của mình.

Đóng góp của Ngô Thế Lân, Nguyễn Thiếp, Lê Hữu Trác và Nguyễn Huy Vinh cho sự phát triển của văn chương nhà nho ẩn dật có một số nội dung đáng chú ý. Mặc dù sống ẩn dật nhưng họ hướng sự quan tâm của mình tới cuộc sống nhân dân lao động đói khổ, loạn lạc do chiến tranh; đồng thời bộc lộ những tình cảm chân thành, sâu sắc, tha thiết, máu thịt với bè bạn, người thân như cha mẹ, con cái, anh em, họ hàng... Thơ ca của họ theo đó mà

[5] Xem: Trần Ngọc Vương, *Loại hình học tác giả văn học - nhà nho tài tử và văn học Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1995.

giàu cảm xúc máu thịt, mang hơi thở của cuộc sống người lao động, của nhân quần, thể hiện sự gắn bó sâu sắc giữa cái tôi tác giả, cái tôi người ẩn dật với gia đình, với quê hương xứ sở. Hoan Châu - sông Lam núi Hồng - vùng đất địa linh nhân kiệt hay vùng đất Thừa Thiên Huế đã là nguồn cảm hứng chủ đạo, chính yếu trong sáng tác của họ, nó hiện lên vừa đẹp, vừa lam lũ, khắc khổ...

Trong xu hướng chung của văn chương nhà nho ẩn dật, họ đã có những sáng tác thể hiện sự gắn bó sâu sắc của cái tôi với môi trường sống, với thiên nhiên nơi ẩn dật. Thiên nhiên trong sáng tác của họ cũng có nhiều nét vẽ đẹp, phong phú, những bức tranh phong cảnh làng quê, những danh lam thắng cảnh. Đó cũng là những giây phút, những tháng ngày mang lại cho họ sự tĩnh dưỡng, sự thanh thản trước cuộc sống ba động đương thời...

Nguyễn Khuyến là một hiện tượng đột xuất cuối cùng và là sự kết thúc cho loại hình tác giả nhà nho ẩn dật thời trung đại. Ông là một người có học vấn cao, tài năng, khoa cử hanh thông (đỗ tới Tam Nguyên), song sự nhập cuộc của ông lại diễn ra trong một thời đại lịch sử đầy biến động, trắc trở. Đặc biệt là sự kiện thực dân Pháp xâm lược đã khiến cho lí tưởng Nho gia ở Nguyễn Khuyến vĩnh viễn không có cơ hội thực hiện. Chọn con đường về với Yên Đổ và con đường đó đã mở ra cho Nguyễn Khuyến những sáng tạo thơ ca bất hủ. Con đường trở về Yên Đổ đã tạo nên ở ông tư cách một nhà thơ của làng cảnh Việt Nam.

Như vậy, thông qua bốn giai đoạn phát triển, có thể thấy rằng: loại hình tác giả nhà nho ẩn dật Việt Nam và văn chương của họ có một quá trình hình thành và phát triển lâu dài, liên tục, phong phú và cũng hết sức phức tạp mà ở bài viết này, chúng tôi đã khái quát một số nét chính. Đặt trong tiến trình phát triển chung của văn học Trung đại, có thể nói rằng, loại hình tác giả và loại hình văn chương nhà nho ẩn dật đã có những đóng góp to lớn, cơ bản trên cả hai phương diện nội dung và nghệ thuật. Nhân cách và sự lựa chọn cuộc đời của họ mãi mãi là vẻ đẹp "vang bóng một thời" rất đáng trân trọng, đầy nghiệm suy đối với hậu sinh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Đình Hượu, *Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1998.

2. Hàn Triệu Kỳ, *ẩn sĩ Trung Hoa*, Cao Tự Thanh dịch, Nxb. Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh, 2001.

3. B.L.Riptin, "Mấy vấn đề nghiên cứu những nền văn học trung cổ phương Đông theo phương pháp loại hình" (Lê Sơn dịch), *Tạp chí Văn học*, (2), 1974, tr. 107 - 123.

4. Trần Nho Thìn, *Văn học trung đại Việt Nam dưới góc nhìn văn hoá*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2002.

5. Lê Văn Tấn, *Văn học Việt Nam - đôi điều suy ngẫm*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2009.

6. Lê Văn Tấn, *Tác giả nhà nho ẩn dật và văn học trung đại Việt Nam* (sách chuyên khảo), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2013.

7. Trần Ngọc Vương, *Loại hình học tác giả văn học - nhà nho tài tử và văn học Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1995.

8. Trần Ngọc Vương, *Văn học Việt Nam dòng riêng giữa nguồn chung*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1997.